



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 239/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP
ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết
Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại đã được
sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 128/2024/NĐ-CP
ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP

“Điều 5. Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại, dùng để khuyến mại

Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại, dùng để khuyến mại thực hiện theo quy định của Luật Thương mại và các quy định sau:

1. Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại và dùng để khuyến mại không bao gồm rượu, xì số, thuốc lá, sữa thay thế sữa mẹ, thuốc kê đơn (trừ trường hợp khuyến mại cho thương nhân kinh doanh thuốc), dịch vụ khám, chữa bệnh của cơ sở y tế công lập, dịch vụ giáo dục của cơ sở công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, hàng hóa, dịch vụ bị cấm lưu hành tại Việt Nam và hàng hóa, dịch vụ bị cấm khuyến mại theo quy định tại Điều 100 Luật Thương mại.

2. Tiền có thể được sử dụng như hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại trừ các trường hợp khuyến mại theo quy định tại các Điều 8, Điều 10, Điều 11 Nghị định này.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP

“1. Phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ kèm theo hàng hóa được bán, dịch vụ được cung ứng là phiếu để mua hàng hóa, nhận cung ứng dịch vụ của chính thương nhân đó hoặc để mua hàng hóa, nhận cung ứng dịch vụ của thương nhân, tổ chức khác. Thương nhân, tổ chức phát hành và thương nhân sử dụng phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ để thực hiện khuyến mại theo Điều này sẽ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và tuân thủ theo quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 5 Điều 13 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Việc xác định trúng thưởng trong chương trình khuyến mại mang tính may rủi phải được tổ chức công khai, theo thể lệ đã công bố, có sự chứng kiến trực tiếp hoặc trực tuyến của khách hàng và phải được lập thành biên bản.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Giải thưởng không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại mang tính may rủi quy định tại khoản 4 Điều này là giải thưởng còn lại tại thời điểm kết thúc thời hạn trao thưởng trừ trường hợp giải thưởng trao quá thời điểm kết thúc thời hạn trao thưởng do sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan theo quy định của pháp luật.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 17 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung theo khoản 3 Điều 1 Nghị định số 128/2024/NĐ-CP

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Thương nhân thực hiện thủ tục hành chính thông báo hoạt động khuyến mại đến tất cả các Sở Công Thương nơi tổ chức khuyến mại (tại địa bàn thực hiện khuyến mại) trước khi thực hiện chương trình khuyến mại theo hình thức quy định tại Điều 12 trừ các trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này. Hồ sơ thông báo phải được gửi đến Sở Công Thương tối thiểu trước 03 ngày làm việc trước khi thực hiện khuyến mại (căn cứ theo ngày nhận ghi trên vận đơn hoặc các hình thức có giá trị tương đương trong trường hợp gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc căn cứ theo ngày ghi nhận trên hệ thống trong trường hợp nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia).”.

2. Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Các trường hợp không phải thực hiện thủ tục hành chính thông báo thực hiện khuyến mại:

a) Thực hiện khuyến mại theo các hình thức quy định tại khoản 8 Điều 92 Luật Thương mại và các Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 14 Nghị định này;

b) Thực hiện khuyến mại theo các hình thức quy định tại Điều 12 Nghị định này có tổng giá trị giải thưởng, quà tặng dưới 100 triệu đồng;

c) Chỉ thực hiện chương trình khuyến mại theo hình thức khuyến mại quy định tại Điều 12 Nghị định này cho hàng hóa, dịch vụ được bán, cung ứng thông qua sàn giao dịch thương mại điện tử, ứng dụng sàn giao dịch thương mại điện tử, website khuyến mại trực tuyến và ứng dụng khuyến mại trực tuyến.”.

3. Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Thương nhân được lựa chọn một trong các cách thức thông báo sau:

a) Thông qua dịch vụ bưu chính công ích, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

b) Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP

“2. Thương nhân được lựa chọn một trong các cách thức thông báo sau:

a) Thông qua dịch vụ bưu chính công ích, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

b) Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 19 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP

“3. Thương nhân được lựa chọn một trong các cách thức đăng ký sau:

a) Thông qua dịch vụ bưu chính công ích, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

b) Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 20 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP

1. Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Thương nhân được lựa chọn một trong các cách thức đăng ký sau:

a) Thông qua dịch vụ bưu chính công ích, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

b) Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.”.

2. Sửa đổi khoản 3 như sau:

“Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (căn cứ theo ngày nhận ghi trên vận đơn bưu chính hoặc các hình thức có giá trị tương đương trong trường hợp gửi qua đường bưu chính hoặc căn cứ theo ngày ghi nhận trên hệ thống trong trường hợp nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia), cơ

quan quản lý nhà nước về thương mại có thẩm quyền xem xét, trả lời xác nhận hoặc không xác nhận việc đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại của thương nhân; trong trường hợp không xác nhận, phải nêu rõ lý do theo quy định của pháp luật.”

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2, khoản 3, khoản 7, khoản 8 và khoản 9 Điều 29 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Thương nhân được lựa chọn một trong các cách thức đăng ký sau:

a) Thông qua dịch vụ bưu chính công ích, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

b) Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trả lời xác nhận hoặc không xác nhận bằng văn bản việc đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ. Trong trường hợp không xác nhận thì cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải nêu rõ lý do. Nội dung xác nhận hoặc không xác nhận thực hiện theo Mẫu số 11 hoặc Mẫu số 12 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm gửi bản sao điện tử văn bản xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài tới Cục Hải quan, Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cơ quan công an địa phương và cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam tại nơi tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Trường hợp có từ hai thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại trở lên đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam trùng tên, chủ đề, thời gian, địa bàn, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tổ chức hiệp thương để lựa chọn thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại được tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại đó.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 như sau:

“9. Trường hợp việc hiệp thương không đạt kết quả, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định xác nhận đăng ký cho một thương nhân hoặc tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại được tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam căn cứ vào các cơ sở sau đây:

- a) Kết quả tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tương tự đã thực hiện;
- b) Năng lực tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại;
- c) Kinh nghiệm tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại cùng tên, cùng chủ đề hoặc các hội chợ, triển lãm thương mại tương tự;
- d) Đánh giá của các hiệp hội ngành hàng liên quan.”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 30 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thương nhân được lựa chọn một trong các cách thức đăng ký sửa đổi, bổ sung sau:

- a) Thông qua dịch vụ bưu chính công ích, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;
- b) Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận hoặc không xác nhận bằng văn bản việc đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ. Trong trường hợp không xác nhận thì cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải nêu rõ lý do. Nội dung xác nhận hoặc không xác nhận thực hiện theo Mẫu số 11 hoặc Mẫu số 12 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này”.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 và điểm b khoản 4 Điều 32 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“Kiểm tra chuyên ngành, giám sát việc thực hiện pháp luật về xúc tiến thương mại của thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm pháp luật của thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại; quy định cụ thể hạn mức tối đa về giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại mà thương nhân được thực hiện trong hoạt động khuyến mại;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

“b) Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về xúc tiến thương mại của thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật đối với các hành vi

vi phạm pháp luật của thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại; tiến hành xử lý nghiêm các hành vi vi phạm đối với hoạt động khuyến mại theo hình thức giảm giá khi thực hiện nhiệm vụ được giao, khi phát hiện và khi nhận được phản ánh;”.

Điều 11. Bãi bỏ, thay thế một số quy định của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ

1. Bãi bỏ Điều 6, Điều 7 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung theo điểm a và điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị định số 128/2024/NĐ-CP.

2. Bãi bỏ khoản 5 Điều 10 và điểm c khoản 4 Điều 19 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP.

3. Thay thế Mẫu số 03, Mẫu số 08, Mẫu số 11, Mẫu số 12, Mẫu số 13 và Mẫu số 14 trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 81/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Bãi bỏ Điều 14 Mục 2 Chương IV Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các hồ sơ hợp lệ đã nộp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ, Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. Đối với các hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính nộp kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định này.

2. Giải thưởng không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại mang tính may rủi quy định tại Điều 13 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận việc đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì sẽ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2018/NĐ-CP. Đối với giải thưởng không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại mang tính may rủi quy định tại Điều 13 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận việc đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Gia Túc

Phụ lục

*(Kèm theo Nghị định số 239/2026/NĐ-CP
ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)*

Mẫu số 03	Thẻ lệ chương trình khuyến mại
Mẫu số 08	Quyết định về việc thu nộp ngân sách nhà nước 50% giá trị giải thưởng không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại
Mẫu số 11	Xác nhận đăng ký (sửa đổi, bổ sung nội dung) tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại
Mẫu số 12	Không xác nhận đăng ký (sửa đổi, bổ sung nội dung) tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại
Mẫu số 13	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại
Mẫu số 14	Báo cáo kết quả tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại

Mẫu số 03**THẺ LỆ CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MẠI***(Kèm theo công văn số ngày .../.../.... của)*

1. Tên chương trình khuyến mại:
2. Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại:
Số lượng hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại (nếu có)
3. Thời gian khuyến mại:
4. Địa bàn (phạm vi) khuyến mại:
5. Hình thức khuyến mại (ghi rõ khuyến mại mang tính may rủi hoặc hình thức khác):
6. Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng hưởng khuyến mại):
Quy định cụ thể các đối tượng được tham gia và đối tượng không được tham gia chương trình khuyến mại (áp dụng hoặc không áp dụng cho nhân viên của doanh nghiệp, các đại lý, nhà phân phối, nhà quảng cáo, in ấn phục vụ chương trình khuyến mại, vị thành niên, trẻ em...):
7. Cơ cấu giải thưởng:

Cơ cấu giải thưởng	Nội dung giải thưởng (chi tiết nội dung và ký mã hiệu từng giải thưởng)	Trị giá giải thưởng (VNĐ)	Số giải	Thành tiền (VNĐ)
Giải...				
Giải...				
Giải...				
Tổng cộng:				

Tổng giá trị giải thưởng so với tổng giá trị hàng hóa khuyến mại.

8. Nội dung chi tiết thẻ lệ chương trình khuyến mại:

8.1. Điều kiện, cách thức, thủ tục cụ thể khách hàng phải thực hiện để được tham gia chương trình khuyến mại:

8.2. Thời gian, cách thức phát hành bằng chứng xác định trúng thưởng

- Trường hợp phát hành kèm theo hàng hóa: Nêu rõ gắn kèm, dính kèm, đặt bên trong hàng hóa hoặc các cách thức khác:

- Trường hợp phát hành không kèm theo hàng hóa: Nêu rõ thời gian, cách thức thực hiện (gửi trực tiếp, gửi qua bưu điện, nhắn tin... cho khách hàng).....

8.3. Quy định về bằng chứng xác định trúng thưởng

- Mô tả cụ thể về bằng chứng xác định trúng thưởng và tính hợp lệ của bằng chứng xác định trúng thưởng (Hình ảnh kèm theo);

- Tổng số bằng chứng xác định trúng thưởng (phiếu cào, phiếu rút thăm, nắp chai, khoen lon, mã dự thưởng...) phát hành:

8.4. Thời gian, địa điểm và cách thức xác định trúng thưởng:

- Thời gian xác định trúng thưởng:

- Địa điểm xác định trúng thưởng:

- Cách thức xác định trúng thưởng (mô tả rõ cách thức quay số, rút thăm, quay vòng quay, cào, bật nắp, mở khoen... cho từng loại giải thưởng):

8.5. Thông báo trúng thưởng:

- Thời hạn, cách thức (trực tiếp, gửi qua bưu điện, nhắn tin...), nội dung thông báo trúng thưởng cho khách hàng:

- Hoặc thời hạn, cách thức, nội dung tiếp nhận thông báo trúng thưởng từ khách hàng:

8.6. Thời gian, địa điểm, cách thức và thủ tục trao thưởng

- Địa điểm trao thưởng:

- Cách thức trao thưởng:

- Thủ tục trao thưởng:

- Thời hạn kết thúc trao thưởng:

- Trách nhiệm của khách hàng trúng thưởng đối với chi phí phát sinh khi nhận thưởng, thuế thu nhập không thường xuyên:

9. Đầu mối giải đáp thắc mắc cho khách hàng về các vấn đề liên quan đến chương trình khuyến mại (người liên hệ, điện thoại...).

10. Trách nhiệm công bố thông tin:

- Quy định về trách nhiệm của thương nhân trong việc thông báo công khai chi tiết nội dung của thể lệ chương trình khuyến mại (trên phương tiện thông tin hoặc tại địa điểm khuyến mại hoặc đính kèm sản phẩm khuyến mại...):

- Quy định về trách nhiệm của thương nhân trong việc công bố kết quả trúng thưởng (tại địa điểm khuyến mại hoặc trên phương tiện thông tin hoặc trên website của thương nhân):

11. Các quy định khác (nếu có):

ĐẠI DIỆN CỦA THƯƠNG NHÂN

(Ký tên, ghi rõ chức danh và đóng dấu hoặc sử dụng chữ ký điện tử/chữ ký số theo quy định)

Mẫu số 08

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI
(SỞ CÔNG THƯƠNG)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....

..., ngày tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu nộp ngân sách nhà nước 50% giá trị giải thưởng
không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại

CỤC TRƯỞNG CỤC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI (GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG)

*Căn cứ công văn số.... ngày.... tháng.... năm.... của Cục Xúc tiến thương mại
(Sở Công Thương) xác nhận (tên thương nhân) thực hiện chương trình khuyến
mại (tên chương trình);*

*Căn cứ báo cáo số.... ngày.... tháng.... năm.... của (tên thương nhân) về kết
quả thực hiện chương trình khuyến mại (tên chương trình, thời gian khuyến mại);*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu nộp ngân sách nhà nước 50% giá trị đã công bố của giải thưởng
không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại (tên chương trình) do
(tên thương nhân) thực hiện từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

Điều 2. (tên thương nhân) có trách nhiệm nộp ngân sách nhà nước

- Số tiền: đồng (viết bằng chữ).

- Vào Kho bạc nhà nước ... (nơi cơ quan ra Quyết định thu).

- Nội dung: Nộp ngân sách nhà nước 50% giá trị đã công bố của giải thưởng
không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại (tên chương trình).

Điều 3. (tên thương nhân) có trách nhiệm thực hiện Quyết định này trong
vòng 45 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Kho bạc nhà nước...
(nơi cơ quan ra quyết định thu);
- Cơ quan thuế...
(nơi thương nhân đóng trụ sở chính);
- Lưu: VT,....

**CỤC TRƯỞNG
(GIÁM ĐỐC SỞ)**
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 11**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(SỞ CÔNG THƯƠNG)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày tháng năm

V/v xác nhận đăng ký
(sửa đổi, bổ sung nội dung)
tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại

Kính gửi:

Trả lời công văn số ngày.... tháng.... năm... của (tên thương nhân) về việc đăng ký (sửa đổi, bổ sung nội dung đăng ký) tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại (tại nước ngoài), Ủy ban nhân dân tỉnh.../Sở Công Thương... xác nhận (tên thương nhân) đăng ký (sửa đổi, bổ sung nội dung đăng ký) tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại với các nội dung sau:

Tên hội chợ/triển lãm thương mại:

- Tên tiếng Việt (tên đầy đủ/viết tắt):
 - Tên tiếng Anh (tên đầy đủ/viết tắt):
 - Thời gian:
 - Địa điểm:
 - Chủ đề (nếu có):
 - Ngành hàng dự kiến tham gia:.....
 - Quy mô dự kiến (Số lượng gian hàng hoặc số doanh nghiệp):
 - Việc trưng bày hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ để so sánh với hàng thật (nếu có)
 - Việc tổ chức cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ, chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại (nếu có)
 - Việc sử dụng danh nghĩa tỉnh, thành phố (nếu có)
- (Tên thương nhân) có trách nhiệm:
- Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về hoạt động xúc tiến thương mại và các quy định khác có liên quan.
 - Thực hiện thủ tục hành chính với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (nếu có) trước khi tổ chức cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại.
 - Báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh.../Sở Công Thương... về việc thực hiện những nội dung đã đăng ký và các kiến nghị cụ thể.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT,...

**CHỦ TỊCH
(GIÁM ĐỐC)***(Ký tên và đóng dấu)*

Mẫu số 12

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(SỞ CÔNG THƯƠNG)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:
V/v không xác nhận đăng ký
(sửa đổi, bổ sung nội dung)
tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại

..., ngày tháng năm ...

Kính gửi:

Xét hồ sơ gửi kèm theo công văn số ngày... tháng.... năm.... của
(tên thương nhân) đăng ký (sửa đổi/bổ sung nội dung đăng ký) tổ chức hội chợ,
triển lãm thương mại;

Ủy ban nhân dân tỉnh.../Sở Công Thương... không xác nhận đăng ký (sửa
đổi, bổ sung nội dung đăng ký) tổ chức đối với các hội chợ, triển lãm thương mại
sau:

1.....

2.....

với lý do:

Ủy ban nhân dân tỉnh.../Sở Công Thương... thông báo để (tên thương nhân)
biết, và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu: VT,...

**CHỦ TỊCH
(GIÁM ĐỐC)**
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 13

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm ...

ĐĂNG KÝ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
NỘI DUNG TỔ CHỨC HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM THƯƠNG MẠI

Kính gửi:..... (cơ quan đã xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại)

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:..... Email:

Người liên hệ:..... Điện thoại:

Căn cứ vào công văn số..... ngày... tháng... năm... của... (cơ quan đã xác nhận đăng ký) xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại năm tại....., (tên thương nhân) đề nghị thay đổi, bổ sung một số nội dung đã đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại như sau:

Tên hội chợ/triển lãm thương mại:

- Tên tiếng Việt (tên đầy đủ/viết tắt):

- Tên tiếng Anh (tên đầy đủ/viết tắt):

- Thời gian:

- Địa điểm:

- Chủ đề (nếu có):

- Ngành hàng dự kiến tham gia:

- Quy mô dự kiến (Số lượng gian hàng hoặc số doanh nghiệp):

- Việc trưng bày hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ để so sánh với hàng thật (nếu có)

- Việc tổ chức cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ, chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại (nếu có)

- Việc sử dụng danh nghĩa quốc gia Việt Nam hoặc danh nghĩa tỉnh, thành phố (nếu có)

(Tên thương nhân) cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc tổ chức hội chợ/triển lãm thương mại trên theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm thương mại, (tên thương nhân) sẽ báo cáo kết quả thực hiện tới quý cơ quan.

ĐẠI DIỆN CỦA THƯƠNG NHÂN

(Ký tên, ghi rõ chức danh và đóng dấu hoặc sử dụng chữ ký điện tử/chữ ký số theo quy định)

Mẫu số 14

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng năm ...

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỔ CHỨC HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM THƯƠNG MẠI

Kính gửi:..... (cơ quan đã xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại)

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:..... Email:

Mã số doanh nghiệp:

Người liên hệ:..... Điện thoại:

Căn cứ công văn số ngày... tháng... năm... của... (cơ quan đã xác nhận đăng ký) xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại;

Sau khi kết thúc, (tên thương nhân) báo cáo như sau:

1. Kết quả tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại cụ thể

STT	Tên hội chợ, triển lãm thương mại được xác nhận (tên, thời gian, địa điểm)	Quy mô Việt Nam tham gia		Quy mô nước ngoài tham gia (nếu có)		Kết quả giao dịch: Số lượng, giá trị hợp đồng, thỏa thuận ký kết; số lượng khách tham quan, giao dịch; các kết quả khác
		Số lượng gian hàng	Số lượng doanh nghiệp	Số lượng gian hàng	Số lượng doanh nghiệp	

2. Đề xuất, kiến nghị:...

ĐẠI DIỆN CỦA THƯƠNG NHÂN
(Ký tên, ghi rõ chức danh và đóng dấu hoặc sử dụng chữ ký điện tử/chữ ký số theo quy định)